

Bản án số: 306/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 12 - 2024
“V/v tranh chấp
hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 319/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V B T H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Tân Thới, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V B T H, theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024: Chị L T M H, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: số 9, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị P T H h, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Long A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh L D T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 147/77, ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến

Tre (Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Cao Lãnh – Bộ Công an).

3.2. Chị H T T N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Phụng, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Chị V B T H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 của nguyên đơn chị V B T H và trong quá trình giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị L T M H trình bày:

Ngày 14/11/2020, chị Hiếu có thuê của anh L D T và chị H T T N một xe ô tô hiệu Toyota Vios đời 2019 màu trắng, Biển số 64A-07795. Thời gian thuê là 05 tháng kể từ ngày 14/11/2020 đến ngày 14/4/2021. Giá thuê là 5.000.000 đồng/tháng, tổng số tiền thuê là 25.000.000 đồng, thanh toán một lần khi ký hợp đồng. Đồng thời chị Hiếu thế chân cho anh Tân và chị Nguyễn số tiền 250.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi hết hạn hợp đồng thì anh Tân, chị Nguyễn sẽ trả lại cho chị Hiếu số tiền 250.000.000 đồng. Khi thuê chị Hiếu có kêu anh Tân, chị Nguyễn đưa giấy tờ xe thì anh Tân, chị Nguyễn nói xe này của anh Tân, chị Nguyễn mua nhưng để chị P T H đứng tên, nên sẽ đưa giấy tờ cho chị Hiếu sau, anh Tân có điện thoại cho chị Hạnh và chị Hạnh cũng xác nhận như vậy. Chị Hạnh, anh Tân, chị Nguyễn hứa vài ngày nữa chị Hạnh đến gặp chị Hiếu ký hợp đồng và hủy hợp đồng mà anh Tân, chị Nguyễn đã ký với chị Hiếu. Đến ngày 09/3/2021, anh Tân, chị Nguyễn, chị Hạnh đến nhà chị Hiếu làm văn bản thỏa thuận với nội dung: Đến ngày 11/3/2021 anh Tân sẽ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng cho chị Hiếu, chị Hiếu sẽ trả lại xe cho anh Tân, anh Tân lấy xe về trả cho chị Hạnh, kể từ hôm đó chị Hạnh giữ chìa khóa xe để làm tin. Sau đó, anh Tân, chị Nguyễn, chị Hạnh không thực hiện theo thỏa thuận, không trả tiền cho chị Hiếu, xe chị Hiếu thuê cũng không sử dụng được vì chị Hạnh đã lấy chìa khóa xe về. Chị Hiếu thuê xe để đi giao dịch ký hợp đồng làm ăn, khi chị Hiếu ký hợp đồng thuê xe với anh Tân, chị Nguyễn thì chị Hạnh cũng đồng ý.

Nay chị Hiếu yêu cầu anh L D T, chị P T H, chị H T T N liên đới trả cho chị Hiếu số tiền 255.000.000 đồng, trong đó 250.000.000 đồng là tiền thế chân và 5.000.000 đồng chị Hiếu đã đóng đủ tiền thuê xe nhưng chưa hết hạn thuê thì chị Hạnh đã lấy chìa khóa xe; Hủy hợp đồng cho thuê xe ngày 14/11/2020 mà chị Hiếu đã ký với anh Tân và chị Nguyễn; Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 được ký kết giữa chị Hiếu, chị Hạnh, anh Tân. Chị Hiếu sẽ trả lại cho anh Tân và chị Hạnh một xe Toyota Vios đời 2019 màu trắng, Biển số 64A-07795 khi chị Hạnh, anh Tân và chị Nguyễn trả đủ số tiền cho chị Hiếu.

- Bị đơn chị P T H trình bày:

Chị Hạnh quen biết anh L D T qua người quen giới thiệu, chị biết chị Nguyễn là vợ sau của anh Tân và cũng là thư ký ở bãi xe, anh Tân làm nghề cho thuê xe du lịch có bãi xe. Trước đây chị có cho anh Tân thuê một xe ô tô 7 chỗ,

đến ngày 17/5/2020 chị Hạnh có cho anh Tân thuê thêm một xe ô tô 4 chỗ, biển số 64A-07795, thời gian thuê là 2 năm, kể từ ngày 17/5/2020 đến ngày 17/5/2022, tiền thuê mỗi tháng là 10.500.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng thỏa thuận xe ngày 17/5/2020 có chị Hạnh và anh Tân ký tên. Anh Tân thuê xe của chị Hạnh làm dịch vụ cho thuê xe du lịch tự lái. Sau khi trả tiền thuê xe được 06 tháng thì anh Tân không trả tiền cho chị Hạnh, lúc đó có người quen cũng cho anh Tân thuê xe cho chị biết là xe ô tô của chị đã bị anh Tân đem cầm cho người khác. Chị Hạnh dò định vị xe thì biết xe chị đang ở huyện Chợ Lách, chị có tìm anh Tân nhưng anh Tân trốn, chị đến gặp chị Hiếu và chị Hiếu cho biết thuê xe của anh Tân giá 5.000.000 đồng/tháng và tiền thế chân là 250.000.000 đồng, chị Hạnh yêu cầu chị Hiếu đưa hợp đồng thuê xe ra nhưng chị Hiếu không đưa. Anh Tân cho chị Hiếu thuê xe nhưng không báo cho chị Hạnh biết, chị có hỏi anh Tân thì anh Tân nói có mượn 250.000.000 đồng của chị Hiếu và anh Tân thế chiếc xe ô tô của chị Hạnh. Sau đó, chị Hiếu liên lạc với anh Tân đến nhà chị Hiếu để làm hợp đồng thuê xe là 250.000.000 đồng, chị hỏi thì anh Tân nói anh Tân mượn là 100.000.000 đồng và 150.000.000 đồng là tiền làm ăn riêng giữa anh Tân với chị Hiếu. Ngày 09/3/2021, chị Hạnh và anh Tân đến nhà chị Hiếu, bên chị Hiếu ghi văn bản thỏa thuận chị có ký tên và ghi chỉ nhận chìa khóa xe về.

Chị Hạnh cho anh Tân thuê xe nhưng anh Tân đem xe của chị cầm cho chị Hiếu, chị Hiếu cũng không gọi cho chị về hợp đồng thuê xe. Chị không nhận tiền của chị Hiếu nên chị không đồng ý trả tiền cho chị Hiếu, chị Hạnh đã lấy xe về rồi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2023; ngày 17/5/2024 của anh L D T trình bày: Anh cho chị Hiếu thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios đời 2019 màu trắng, Biển số 64A-07795, xe của chị P T H h, khi anh cho chị Hiếu thuê xe không thông báo cho chị Hạnh biết, vì anh là người đã thuê xe của chị Hạnh nên tự thu, tự chi, ban đầu cho chị Hiếu thuê xe không làm hợp đồng, sau này mới làm hợp đồng, anh cho thuê một tháng 15.000.000 đồng, sở dĩ chị Hiếu ghi trong hợp đồng 5.000.000 đồng/tháng, là do anh làm ăn với chị Hiếu, anh có mượn tiền chị Hiếu nên chị Hiếu làm hợp đồng thuê xe ghi 5.000.000 đồng/tháng là để trừ dần vào số tiền anh đã mượn, anh không nhận tiền gì liên quan đến thuê chiếc xe, do trước đây anh có mượn tiền chị Hiếu 2 lần là 250.000.000 đồng, do tính lãi nên chị Hiếu ghi trong hợp đồng thuê xe là 250.000.000 đồng, hợp đồng là do chị Hiếu làm sẵn đưa cho anh và chị Nguyễn ký tên, còn văn bản thỏa thuận anh biết vì anh có mặt ở đó. Số tiền 250.000.000 đồng mượn chị Hiếu đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giải quyết xong, không còn nợ, anh không cho chị Hiếu thuê xe, hợp đồng thuê xe là để đảm bảo cho số tiền anh vay của chị Hiếu.

Chị H T T N khai: Chị làm thư ký cho dịch vụ thuê xe của anh Tân, khi chị Hiếu đưa hợp đồng thuê xe, chị ký tên nhưng không đọc, không nhận tiền của chị Hiếu nên không đồng ý trả 255.000.000 đồng cho chị Hiếu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của

Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 124, 408, 423, 472 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V B T H về việc vô hiệu hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020.

Vô hiệu hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 được ký kết giữa anh L D T và chị H T T N.

Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 được ký kết giữa chị P T H h, anh L D T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị V B T H đối với yêu cầu buộc anh L D T, P T H h, H T T N liên đới trả cho chị số tiền 255.000.000 đồng. Trong đó, 250.000.000 đồng là tiền thế chân và 5.000.000 đồng chị Hiếu đã đóng đủ tiền thuê xe nhưng chưa hết hạn thuê thì chị Hạnh đã lấy chìa khóa xe.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/8/2024, chị V B T H kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V B T H. Buộc anh L D T, chị H T T N và chị P T H h có nghĩa vụ liên đới trả cho chị V B T H số tiền 255.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị V B T H có người đại diện là chị L T M H trình bày:

Trước đây anh L D T và chị H T T N vay chị V B T H số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 14/11/2020 chị Hiếu có đưa cho anh Tân 250.000.000 đồng tiền thế chân để thuê xe Toyota Vios đời 2019 màu trắng, chị Hiếu đã đóng tiền thuê xe cho anh Tân, chị Nguyên 5 tháng là 25.000.000 đồng. Ngày 09/3/2021, anh Tân, chị Nguyên, chị Hạnh đến gặp chị Hiếu lập văn bản thỏa thuận và chị Hạnh lấy chìa khóa xe về.

Trước đây chị Hiếu kiện anh Tân, chị Nguyên, chị Hạnh tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để đòi hai khoản tiền là tiền vay 250.000.000 đồng và tiền thế chân thuê xe 255.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Do Tòa án triệu tập chị Hạnh nhiều lần không đến, anh Tân đến được một lần nên chị Hiếu đồng ý hòa giải thành số tiền vay 250.000.000 đồng, còn tiền thế chân và tiền thuê xe thì rút lại yêu cầu để kiện tại Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Cấp sơ

thẩm cho rằng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HS-ST ngày 06/5/2024 cho rằng anh Tân và chị Hiếu thừa nhận có thể chấp chiếc xe để vay số tiền 250.000.000 đồng và đã kiện anh Tân ra Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, ngoài ra không còn giao dịch nào khác là không đúng, vì chị Hiếu không bao giờ trình bày như vậy.

Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh L D T, chị H T T N và chị P T H h có nghĩa vụ liên đới trả cho chị V B T H số tiền 255.000.000 đồng.

- *Bị đơn chị P T H h trình bày:* Chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của chị Hiếu. Văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 giữa anh Tân với chị Hiếu thì chị ký tên là chỉ nhận chìa khóa xe về.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2024 anh L D T trình bày:* Anh đồng ý với biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Mục đích chị Hiếu làm hợp đồng thuê xe với anh là để đảm bảo số tiền mượn của chị Hiếu không bị mất, vì chị Hiếu thấy việc làm ăn của anh đang trên đà đi xuống. Nay anh không đồng ý trả chị Hiếu 255.000.000 đồng và anh đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V B T H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 111/2024/DSST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vô hiệu hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 giữa anh L D T, chị H T T N và chị V B T H. Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 giữa chị V B T H, anh L D T, chị P T H h. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên chị Hiếu không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 30/8/2024 của chị V B T H còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Chị H T T N đã được thông báo về việc tham gia phiên tòa nhưng vắng

mặt đến mà không có lý do nên xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Anh L D T xin giải quyết vắng mặt nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét thấy hợp đồng về việc thuê xe ngày 14/11/2020 có nội dung: Chị Hiếu thuê của anh Tân và chị Nguyễn 01 xe ô tô Toyota Vios 2019, màu trắng, biển số 64A-07795 do bà P T H h đứng tên giấy đăng ký xe, thời hạn thuê 05 tháng (từ ngày 14/11/2020 đến 14/4/2021), giá thuê 5.000.000 đồng/tháng. Chị Hiếu thế chân cho anh Tân, chị Nguyễn 250.000.000 đồng, tổng cộng chị Hiếu giao cho anh Tân, chị Nguyễn số tiền 275.000.000 đồng. Theo như anh Tân trình bày việc hai bên ký hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 là để đảm bảo cho việc anh Tân vay tiền của chị Hiếu 02 lần với tổng số tiền 250.000.000 đồng.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy lời trình bày của anh Tân là có căn cứ. Bởi lẽ, tại bản án số 19/2024/HS-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long chị Hiếu và anh Tân đều thừa nhận anh Tân thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 64A-077.95 cho chị Hiếu để vay số tiền 250.000.000 đồng và chị Hiếu đã khởi kiện anh Tân tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre số tiền 250.000.000 đồng, ngoài ra giữa chị Hiếu và anh Tân không còn giao dịch nào khác. Do đó, có thể xác định việc chị Hiếu ký kết hợp đồng thuê xe với anh Tân, chị Nguyễn là giả tạo nhằm để đảm bảo cho khoản vay 250.000.000 đồng của anh Tân đối với chị Hiếu.

Ngoài ra, năm 2022 chị Hiếu đã khởi kiện anh Tân, chị Nguyễn, chị Hạnh về khoản vay 250.000.000 đồng và hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tại buổi hòa giải ngày 18/7/2022 anh Tân, chị Nguyễn và chị Hương (đại diện theo ủy quyền của chị Hiếu) thỏa thuận đồng ý trả cho chị Hiếu số tiền 250.000.000 đồng và phía chị Hiếu tự nguyện rút lại yêu cầu đối với hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2021 và đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 144/2022/QĐST-DS ngày 26/7/2022. Do đó việc vay mượn của anh Tân, chị Nguyễn với chị Hiếu đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực nên việc chị Hiếu kháng cáo yêu cầu anh Tân, chị Nguyễn, chị Hạnh liên đới trả số tiền 255.000.000đ là không có cơ sở.

Chị Hạnh không có mượn tiền của chị Hiếu và việc vay mượn tiền giữa anh Tân với chị Hiếu không liên quan đến chị Hạnh. Chị Hạnh chỉ là người cho anh Tân thuê xe ô tô biển kiểm soát 64A-077.95. Tại biên bản thỏa thuận ngày 9/3/2021 cũng không thể hiện nội dung chị Hạnh có nghĩa vụ trả tiền cho chị Hiếu. Ngoài ra, chị Hiếu cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị Hạnh có liên quan đến việc vay tiền và việc thỏa thuận ký kết hợp đồng về việc thuê xe ngày 14/11/2020, do đó chị Hiếu kháng cáo yêu cầu đối với chị Hạnh phải liên đới cùng anh Tân, chị Nguyễn trả số tiền 255.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản sơ thẩm đã tuyên “Vô hiệu hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 được ký kết giữa anh L D T và chị H T T N” và “Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 được ký kết giữa chị P T H h, anh L D

T” là chưa chính xác. Do đó, cần phải sửa lại nội dung này như sau: Vô hiệu hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 giữa anh L D T, chị H T T N và chị V B T H và Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 giữa chị V B T H, anh L D T, chị P T H h.

Không chấp nhận kháng cáo của chị V B T H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên chị V B T H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V B T H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị V B T H:

- Vô hiệu Hợp đồng thuê xe ngày 14/11/2020 giữa chị V B T H, anh L D T, chị H T T N.

- Hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/3/2021 giữa chị V B T H, anh L D T, chị P T H h.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị V B T H yêu cầu anh L D T, chị H T T N, chị P T H h liên đới trả cho chị Hiếu số tiền 255.000.000 đồng. Trong đó, 250.000.000 đồng là tiền thế chân và 5.000.000 đồng tiền thuê xe.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị V B T H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho chị V B T H 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N⁰ 0001400 ngày 04/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng

Nguyễn Thị Kim Chi

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện Long Hồ: 01;
- THADS huyện Long Hồ: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

